

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11- 05 -2023
V/v “*Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Thu H**

2. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Triệu Thị Ngọc Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.*

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn Q**, sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn xin vắng).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn xin vắng).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 7, Đội 2, Thôn C, xã D, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 9 năm 2022 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Lê Văn Q trình bày:***

- Về mối quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Q và chị Lê Thị H do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ

cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Bình, huyện Vĩnh Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 26 tháng 4 năm 2010. Sau ngày cưới vợ chồng anh Q và chị H sống và làm thuê tại THnh phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cãi vã nhau. Anh Q và chị H đã không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay anh Q thấy tình cảm vợ chồng không thể Hn gắn được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị H.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Lê Q K, sinh ngày 26/8/2010 và cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/7/2013. Hiện nay cháu K và cháu Nam đang sống chung với chị H và có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên anh Q đồng ý giao hai cháu Lê Q K và Lê Bảo N cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: anh Lê Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: anh Lê Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không còn yêu cầu nào khác.

** Theo bảng khai ý kiến ngày 23 tháng 09 năm 2022 và đơn xin vắng mặt không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Lê Thị H trình bày:*

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: chị Lê Thị H thống nhất theo lời trình bày của anh Q về quá trình hình tHnh hôn nhân. Sau ngày cưới vợ chồng chị H và anh Q sống và làm thuê tại THnh phố Hồ Chí Minh, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cãi vã nhau. Chị H và anh Q đã không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn Q thì chị Lê Thị H đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Lê Q K, sinh ngày 26/8/2010 và cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/7/2013. Hiện nay cháu K và cháu N đang sống chung với chị H, sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của cháu Q K và Bảo N muốn sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Lê Văn Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình với chị Lê Thị H. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Nguyên đơn anh Lê Văn Q và bị đơn chị Lê Thị H có đơn xin vắng mặt tại Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Q và chị H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Văn Q và chị Lê Thị H do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND xã Thanh Bình và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 26/4/2010 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét thấy, anh Q và chị H đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống hôn nhân, anh chị đã sống ly thân trong thời gian dài mà không Hn gắn đoàn tụ được, đã cho thấy hôn nhân giữa anh Q và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hiện nay anh Q và chị H cũng không còn tình cảm với nhau nên việc anh Q và chị H tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh Lê Văn Q và chị Lê Thị H thống nhất xác định anh chị có 02 con chung tên Lê Q K, sinh ngày 26/8/2010 và cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/7/2013. Sau khi ly hôn anh Q và chị H thống nhất thỏa thuận giao hai cháu Lê Q K và Lê Bảo N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: anh Lê Văn Q và chị Lê Thị H thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: anh Lê Văn Q và chị Lê Thị H thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Lê Văn Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:**

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn Q và chị Lê Thị H.

[2] Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Q K, sinh ngày 26/8/2010 và Lê Bảo N, sinh ngày 07/7/2013 cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung: anh Lê Văn Q và chị Lê Thị H thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Về nợ chung phải thu, phải trả: anh Lê Văn Q và chị Lê Thị H thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Văn Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰0008828 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Lê Văn Q đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Lê Thị H không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Văn Vui

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Vui

